

Bản án số: 01/2024/KDTM-PT

Ngày: 05-01-2024

“V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán: Ông Trần Hưng Bính
Bà Trương Thị Đào Vi

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành Huy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Bằng, Kiểm sát viên.

Vào ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2023/TLPT-KDTM ngày 24 tháng 8 năm 2023 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”; do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2023/KDTM-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 190/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B; địa chỉ: Tầng 1 và tầng 5 Tòa nhà C, số 16 P, phường P, quận Hoàn Kiếm, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Quyết Thắng; chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Văn P; chức danh: Chuyên viên – Phòng xử lý nợ - Khối QLRR – Ngân hàng TMCP B (theo giấy ủy quyền số 3948/2023/UQ-BVB ngày 29/5/2023). Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và xuất nhập khẩu Đ; địa chỉ: 8-10 C, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Thị H; chức danh: Giám đốc. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đinh Thị H; địa chỉ: 8-10 C, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

4. Người kháng cáo:

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và xuất nhập khẩu Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/5/2019, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và xuất nhập khẩu Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ) vay vốn tại Ngân hàng TMCP B theo hợp đồng tín dụng 0010/2019/HĐTD1/BVB32, cụ thể như sau: tiền cho vay là 17.400.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn: vay bù đắp và hoàn thiện dự án nhà máy sản xuất gỗ ván thanh và gỗ dăm tại Khu công nghiệp P tỉnh Thừa Thiên Huế, thời hạn vay: 84 tháng, lãi suất vay: 11,35%/năm áp dụng trong 03 tháng đầu, sau đó điều chỉnh 03 tháng/lần bằng mức lãi suất kỳ hạn 12 tháng cộng với biên độ 3.85%/năm. Thay đổi quy định tại Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ, phương thức trả nợ: gốc trả hàng quý, lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế, lãi suất quá hạn: 17,025%/năm, lãi quá hạn trên lãi: 10%/năm. Các kỳ trả nợ, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các văn bản khác đã ký kết, kèm theo các tài sản đảm bảo.

Trong quá trình trả nợ vay, Công ty Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty Đ thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP B tạm tính đến ngày xét xử 27/3/2023 theo Hợp đồng tín dụng tổng cộng là 14.366.611.213 đồng (cụ thể: Dư nợ gốc: 9.983.423.818 đồng, nợ lãi: 4.135.772.110 đồng, phí trả nợ trước hạn: 247.415.285 đồng). Ngoài số tiền nêu trên, Công ty Đ còn phải thanh toán các khoản tiền lãi, tiền phạt, tiền phí theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trên tổng

số tiền chưa thanh toán kể từ ngày 28/3/2023 đến ngày Công ty Đ thanh toán hết các nghĩa vụ cho Ngân hàng TMCP B.

Về xử lý tài sản bảo đảm: Trong trường hợp kể từ ngày bản của Tòa án có hiệu lực mà Công ty Đ không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP B, Ngân hàng TMCP B có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ. Chi tiết tài sản thế chấp như sau:

+ Tài sản 01: Bất động sản: Toàn bộ quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 69, tờ bản đồ số: 14; địa chỉ: Lô CN 37A, Khu C, KCN P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế và các công trình đã xây dựng trên đất bao gồm: Đường nội bộ, sân bê tông, nhà điều hành, nhà ăn, nhà nhân viên, nhà xe, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh, móng trạm cân, nhà xưởng sản xuất, hàng rào nhà máy, bể nước.

+ Tài sản 02: Động sản bao gồm: Máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất... cụ thể: Dây chuyền băm gỗ công suất 20 tấn/h: sản xuất tại Việt Nam năm 2018, máy băm gỗ xả đáy 450, motor Trung Quốc (Công nghệ Úc) 250(Kw), hàng mới 100%; Cân điện tử 60 tấn rộng x dài x cao (3x18x0.3m), tôn sàn bàn cân thép tấm 8mm chống trượt, kết cấu sàn bằng khớp nối âm dương. Hệ thống băng tải 200m, độ dày băng tải đảm bảo chất lượng, hàng mới 100%, hệ thống điện: toàn bộ hệ thống điện công trình nhà máy băm gỗ tại Khu công nghiệp P. Khay sản phẩm gỗ, hệ thống điện, thiết bị thí nghiệm, hệ thống Phòng cháy chữa cháy và Camera.

+ Tài sản 03 (Tài sản bổ sung): Toàn bộ vốn góp là tiền mặt trị giá 38.585.198.000 đồng tại Công ty Đ, ngày 03/06/2019 khách hàng thực hiện tăng vốn điều lệ thành công thêm 15 tỷ đồng. Toàn bộ các quyền phát sinh từ vốn góp là đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 46, tờ bản đồ số: 07, địa chỉ: 08 Chu Văn An, phường Phú Hội, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty Đ đối với Ngân hàng TMCP B. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP B.

Tại bản tự khai ngày 22/12/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người đại diện theo pháp luật của bị đơn- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và xuất nhập khẩu Đ trình bày:

Năm 2019, doanh nghiệp bắt đầu vay tại Ngân hàng TMCP B để phục vụ sản xuất kinh doanh. Trong suốt quá trình giao dịch, doanh nghiệp luôn thanh toán gốc, lãi đúng thời hạn như quy định. Đến tháng 5/2020, doanh nghiệp có khoản vay ngắn hạn (gần 10 tỷ đồng) đến hạn thanh toán, nhưng do tại thời điểm này dịch bệnh Covid bùng phát, tất các doanh nghiệp hầu như phải dừng hoạt động. Do đó, doanh nghiệp đề nghị Ngân hàng B cho phép chia nhỏ khoản vay đến hạn để thanh toán (đáo hạn) và Ngân hàng TMCP B- Chi nhánh Đà Nẵng trao đổi doanh nghiệp chờ Ngân hàng TMCP B, hội sở tại Hà Nội xem xét, nhưng doanh nghiệp chờ mãi vẫn không phản hồi, và sau đó doanh nghiệp bị nhảy nhóm. Tại thời điểm này, Chính Phủ đã có rất nhiều thông tư, nghị định đề nghị ngân hàng và các cơ quan ban ngành hỗ trợ cho doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Các ngân hàng khác đã kịp thời có nhiều chính sách cơ cấu, gia hạn khoản vay để doanh nghiệp không rơi vào nợ xấu, nhưng riêng Ngân hàng TMCP B cũng có cơ cấu, nhưng quá trình xử lý quá chậm trễ do đó các khoản vay đến hạn của doanh nghiệp bị quá hạn khiến cho doanh nghiệp bị nợ xấu. Đây là vấn đề xảy ra ngoài ý muốn của doanh nghiệp. Việc chậm trễ giải quyết của Ngân hàng TMCP B cho doanh nghiệp rơi vào nợ xấu đã làm ảnh hưởng rất lớn đến quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Giấy phép kinh doanh của công ty gồm 2 lĩnh vực: lĩnh vực du lịch là khách sạn, lĩnh vực sản xuất là nhà máy dăm gỗ. Doanh nghiệp đã tách 2 lĩnh vực kinh doanh này ra thành 2 doanh nghiệp riêng biệt để thuận tiện cho việc quản lý. Doanh nghiệp đã tách xong và đã có giấy phép mới cho nhà máy sản xuất dăm gỗ. Sau khi có giấy phép thành lập công ty TNHH Đ Ecowood xong, doanh nghiệp cũng đã gửi công văn đến Ngân hàng TMCP B- Chi nhánh Đà Nẵng để xin chuyển khoản nợ mà doanh nghiệp đang vay tại ngân hàng sang Công ty Đ Ecowood để tiếp tục nhận nợ thay cho công ty cũ cũng như cam kết trả nợ đúng theo kế hoạch mà Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Đà Nẵng đưa ra nhưng đến nay ngân hàng vẫn không chấp nhận lời đề nghị này.

Về tài sản bảo đảm: Công ty Đ không đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo yêu cầu của Ngân hàng.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan- bà Đinh Thị H trình bày thống nhất ý kiến của Công ty trách nhiệm hạn một thành viên thương mại và xuất nhập khẩu Đ

Tại Bản án số 01/2023/KDTM-ST ngày 27/3/2023, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 299, 317, 318, 319, 323, 401, 463, 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm; Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 và Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần B; buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và xuất nhập khẩu Đ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B tổng số tiền đến ngày xét xử 27/3/2023 là: 14.366.611.213 đồng (mười bốn tỷ ba trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm mười một nghìn hai trăm mười ba đồng), cụ thể số tiền gốc: 9.983.423.818 đồng, số tiền lãi: 4.135.772.110 đồng, phí trả nợ trước hạn 247.415.285 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất phát sinh, xử lý tài sản đảm bảo, án phí, chi phí thẩm định tại chỗ, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 31/3/2023, Bị đơn Công ty Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 27/3/2023.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện theo pháp luật của bị đơn bà Đinh Thị H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bị đơn trả nợ gốc và lãi trong hạn, đối với khoản lãi quá hạn, lãi phạt và phí trả nợ trước hạn bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến:

- Về kiểm sát tuân theo pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của các đương sự; kết quả tranh tụng; ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1] Về quyền kháng cáo: Đơn kháng cáo của Bị đơn Công ty TNHH một thành viên thương mại và xuất nhập khẩu Đ được thực hiện trong hạn luật định; có nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 272; Điều 273; Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét, giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là tranh chấp về kinh doanh thương mại và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét đơn kháng cáo của Bị đơn Công ty TNHH MTV thương mại và xuất nhập khẩu Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2022, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Đ thanh toán số tiền nợ gốc 9.983.423.818 đồng, lãi quá hạn 1.794.980.431 đồng. Ngoài số tiền nêu trên, Công ty Đ còn phải thanh toán các khoản tiền lãi, tiền phạt, tiền phí (nếu có) theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 26/08/2022 đến khi thanh toán hết các khoản nợ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã không yêu cầu người khởi kiện sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện với các yêu cầu tiền lãi, tiền phạt, tiền phí là bao nhiêu mà chỉ thông báo nộp tạm ứng án phí trên tổng số tiền lãi quá hạn 1.794.980.431 đồng với số tiền phải nộp 32.925.000.000 đồng (**BL 1,5**), đối với số tiền khởi kiện nợ gốc 9.983.423.818 đồng và các khoản khác chưa được làm rõ, cấp sơ thẩm không yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện để làm căn cứ nộp tạm ứng án phí là trái quy định pháp luật.

[2.2] Về khoản tiền lãi chậm trả lãi và phí trả nợ trước hạn:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai không đề ngày, tháng, năm 2022 (**BL170**) và Biên bản hòa giải ngày 10/11/2022 (**BL 424-426**), người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đào Phúc trình bày: “*Tính đến ngày 09/11/2022, Công ty Đ còn nợ B tổng số tiền là 12.048.143.190 đồng; cụ thể nợ*

gốc: 9.983.423.818 đồng, nợ lãi: 2.064.719.372 đồng”, không có yêu cầu đòi với khoản tiền lãi chậm trả lãi và phí trả nợ trước hạn.

- Tại các Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 10/11/2022 (**BL 422-423**) và ngày 29/12/2022 (**BL436**), Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có yêu cầu bổ sung đơn khởi kiện.

- Tại Bảng tính gốc lãi tạm tính đến ngày 27/3/2023 do Nguyên đơn cung cấp cụ thể như sau: “*Dư nợ theo Khế ước số LD 2027500015 có khoản lãi chậm trả lãi là 24.844.001 và Phí trả nợ trước hạn 39.065.571 đồng (BL447-448). Dư nợ theo Khế ước số LD 1913400077 có khoản lãi chậm trả lãi là 434.209.665 và Phí trả nợ trước hạn 208.349.714 đồng (BL449-450)*”. Nhưng cấp sơ thẩm không làm rõ Nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện bổ sung đòi với khoản tiền lãi chậm trả lãi và phí trả nợ trước hạn hay không?

- Biên bản phiên tòa ngày 27/3/2023 (**BL 465-469**), phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, chủ tọa phiên tòa đã không thực hiện đúng quy định tại các Điều 243, 246 Bộ Luật tố tụng Dân sự, không hỏi đương sự về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện, hỏi các đương sự có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không. Bản án sơ thẩm cũng không nhận định về việc nguyên đơn có yêu cầu bổ sung khoản tiền lãi chậm trả lãi và phí trả nợ trước hạn hay không?

Như vậy, đòi với khoản tiền lãi chậm trả lãi và phí trả nợ trước hạn thì trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa cấp sơ thẩm, cấp sơ thẩm đã không làm rõ nguyên đơn có bổ sung yêu cầu khởi kiện hay không? số tiền yêu cầu cụ thể của từng khoản là bao nhiêu? mà tuyên xử buộc bị đơn phải trả tổng số tiền lãi 4.135.772.110 đồng (trong đó có 459.053.666 đồng tiền lãi chậm trả lãi) và 247.415.285 đồng phí trả nợ trước hạn là vượt quá phạm vi khởi kiện, vi phạm thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 5 Bộ Luật tố tụng hình sự.

[2.3]. Đòi với khoản phí trả nợ trước hạn: tại điểm a khoản 3 Điều 3 Hợp đồng tín dụng ngày 09/5/2019 giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận: “*Phí trả nợ trước hạn, mức phí theo biểu phí của B tại thời điểm thanh toán...*”. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, nguyên đơn đã chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn bằng 150% nợ trong hạn. Bị đơn không trả nợ trước hạn thanh toán nhưng cấp sơ thẩm tuyên buộc phải trả khoản phí này là không có căn cứ.

[2.4]. Về việc chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp phúc thẩm:

Theo quy định tại 283 Bộ luật tố tụng Dân sự quy định: “*Tòa án cấp sơ thẩm gửi hồ sơ cho Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày người kháng cáo nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm Biên lai thu tạm ứng án phí*”. Ngày 5/6/2023 bị đơn đã nộp Biên lai thu tạm ứng án phí nhưng đến ngày 24/8/2023, Tòa án cấp sơ thẩm mới chuyển hồ sơ là quá thời hạn theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 308 và khoản 2 Điều 310 Bộ luật tố tụng Dân sự hủy Bản án sơ thẩm theo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308; khoản 2 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Tuyên xử:

1. Hủy Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2023/KDTM-ST ngày 27/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

Nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại cho Công ty TNHH một thành viên thương mại và xuất nhập khẩu Đ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0006060 ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Huế.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- TAND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Thái Thị Hồng Vân